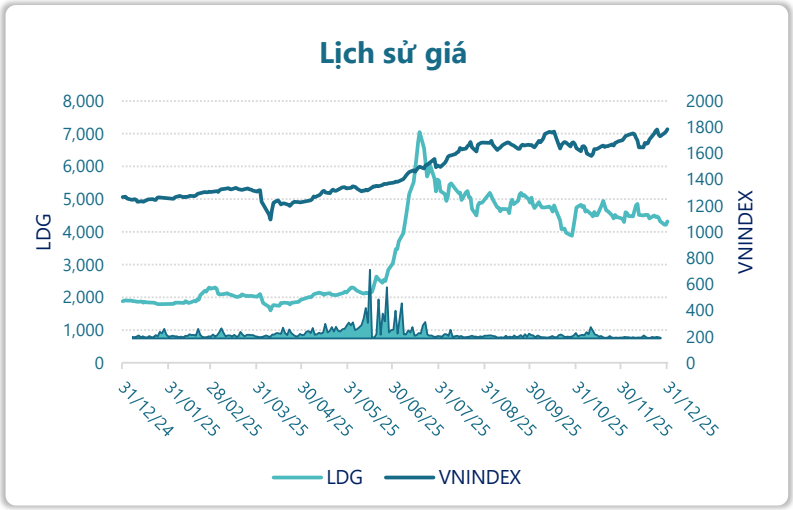
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,320**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,303,720
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,104
P/E	8.1
EPS	533

DT thuần

Q4/25

201

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 79.0| 64.6%

YoY: ▲ 200| 14888%

LN sau thuế

Q4/25

121

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0| 11.7%

YoY: ▲ 426| 140%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

40.3%

+/- YoY: ▼ 754%

DT thuần

2025

403

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 576| 333%

LN sau thuế

2025

136

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,642| 109%

ROE

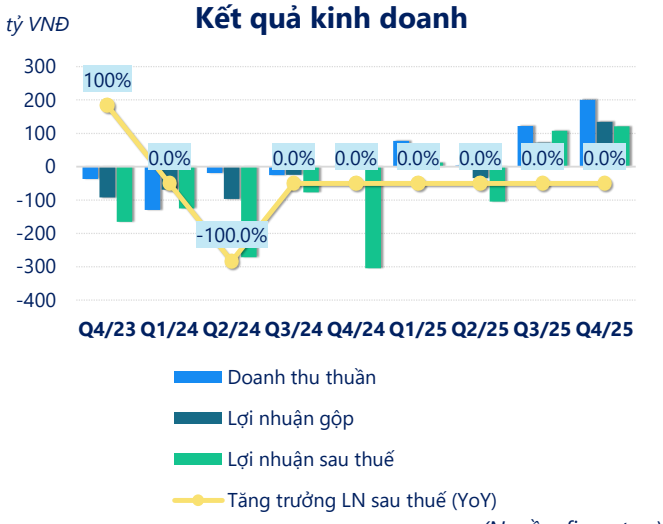
2025

10.6%

+/- YoY: ▲ 87.4%

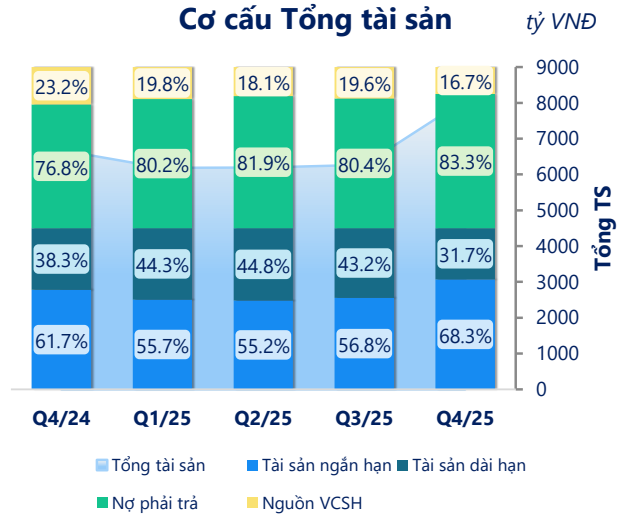
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



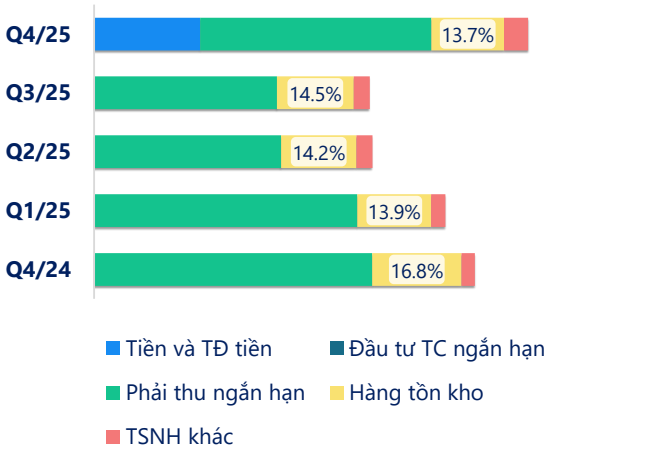
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



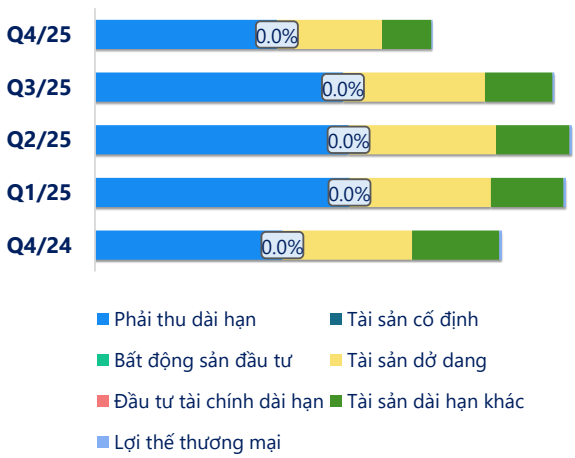
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



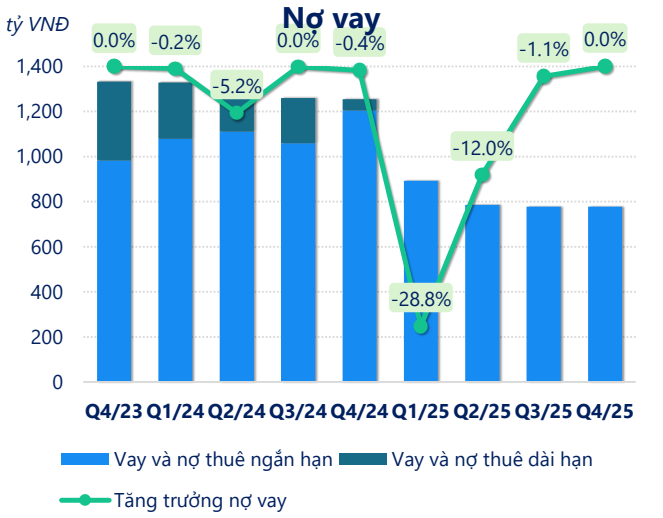
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



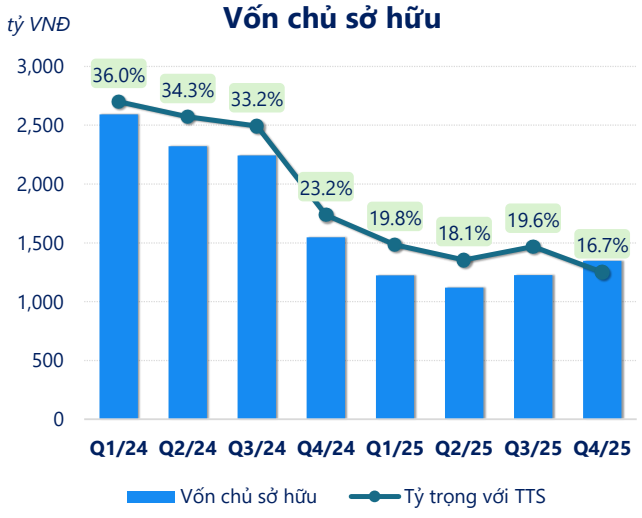
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



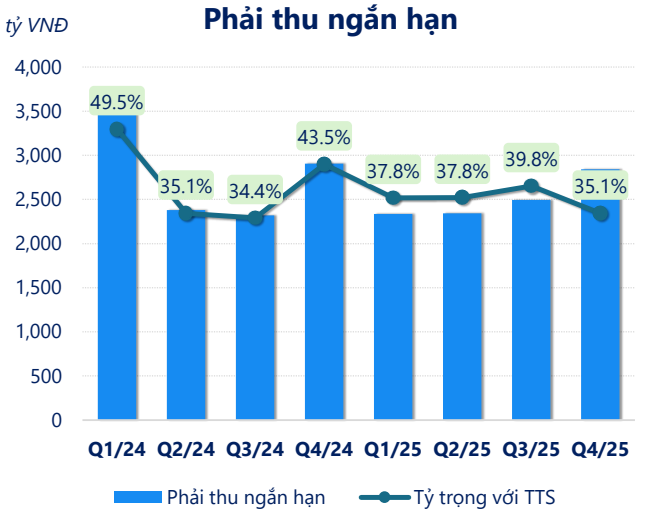
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



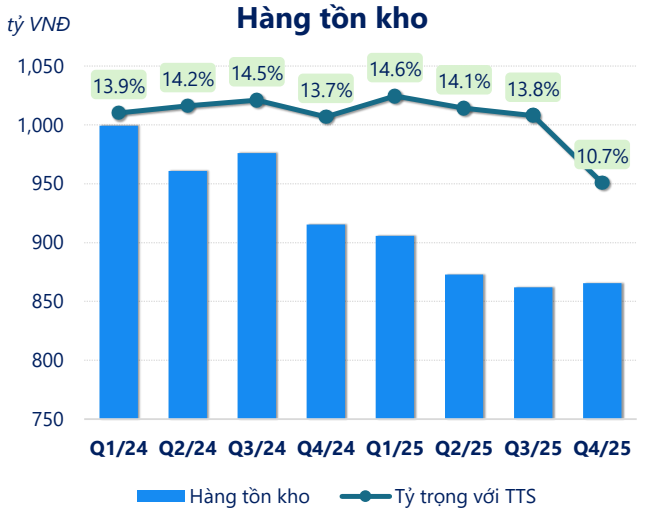
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



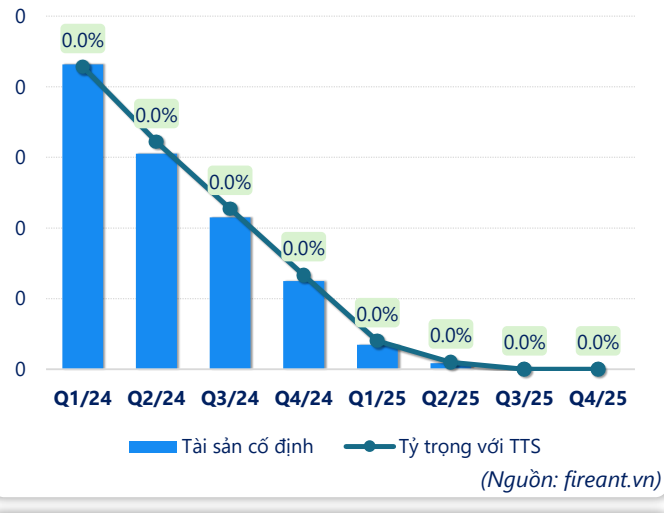
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



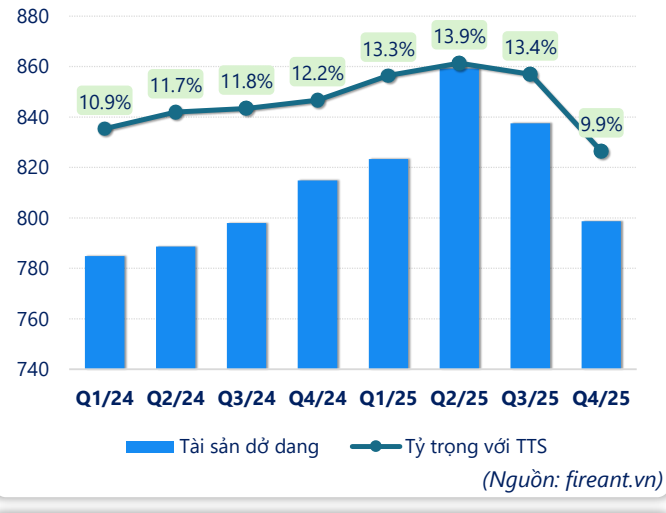
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



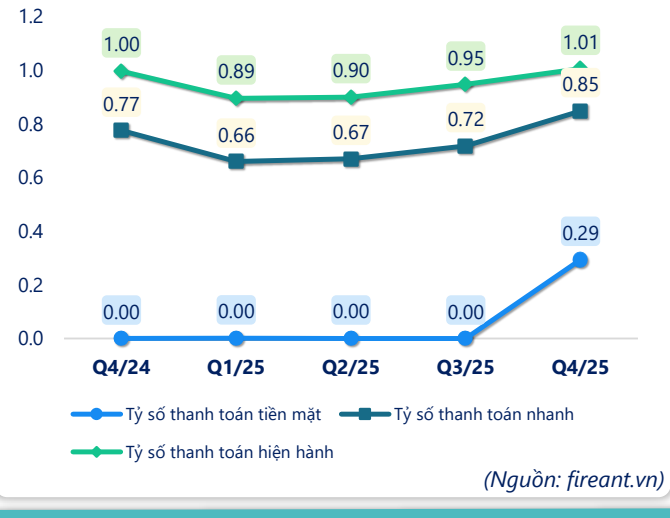
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



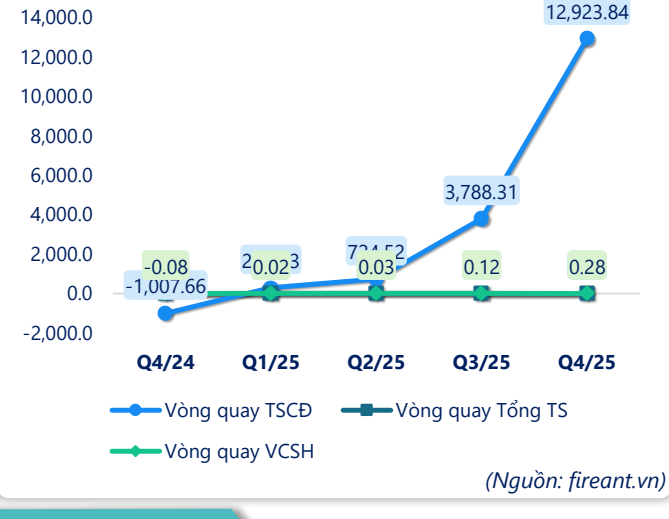
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**6,679**	**6,185**	**6,194**	**6,267**	**8,085**
Tài sản ngắn hạn	**4,123**	**3,445**	**3,417**	**3,559**	**5,518**
Tiền và tương đương tiền	0.92	3.33	1.55	1.16	1,612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,904	2,337	2,342	2,494	2,840
Hàng tồn kho	915	906	873	862	865
Tài sản ngắn hạn khác	303	199	201	202	201
Tài sản dài hạn	**2,556**	**2,740**	**2,777**	**2,707**	**2,566**
Phải thu dài hạn	1,177	1,480	1,477	1,461	1,383
Tài sản cố định	0.06	0.02	0.00	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	815	823	859	838	799
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	547	421	427	397	376
Lợi thế thương mại	17.1	15.1	13.0	11.0	8.98
Nợ phải trả	**5,133**	**4,962**	**5,076**	**5,040**	**6,737**
Nợ ngắn hạn	**4,141**	**3,850**	**3,798**	**3,760**	**5,489**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,204	893	786	778	778
Phải trả người bán ngắn hạn	185	184	178	152	142
Nợ dài hạn	992	1,112	1,278	1,280	1,248
Vay và nợ thuê dài hạn	50.0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,546**	**1,223**	**1,119**	**1,227**	**1,348**
Vốn chủ sở hữu	**1,546**	**1,223**	**1,119**	**1,227**	**1,348**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	2,570	2,570	2,570
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)